CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Chế biến Thủy sản Út Xi

Ngày 30/06/2025	6,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**14.3%**

DT thuần
Q2/25
117
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 45.8| 64.6%
YoY: ▼64.0| -35.3%

LN thuần
Q2/25
0.86
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.49| 110%
YoY: ▲ 37.4| 102%

LN sau thuế
Q2/25
0.90
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.34| 111%
YoY: ▼0.26| -22.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
7.8%
YoY: +/-▲ 8.1%

ROE (TTM)
Q2/25
63.9%
YoY: +/-▲ 1.2%

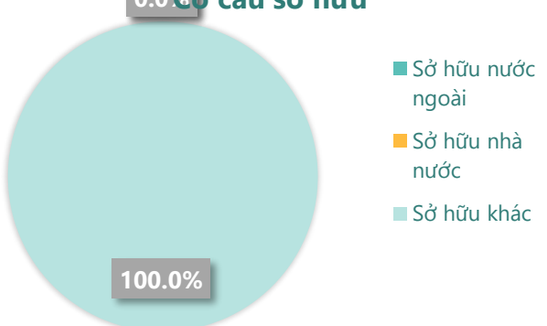
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,700 - 6,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	227
Số lượng CPLH (CP)	35,399,968
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.06
EPS	-1,314
P/E	-4.9

DT thuần
6T 2025
188
tỷ VNĐ
YoY: ▼52.0| -21.4%

LN thuần
6T 2025
-7.77
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 28.4| 78.6%

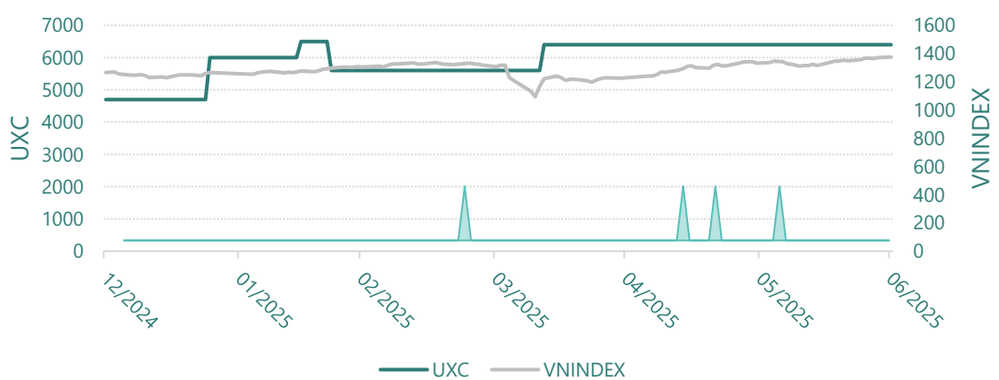
LN sau thuế
6T 2025
-7.54
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.93| -644%

Cơ cấu sở hữu

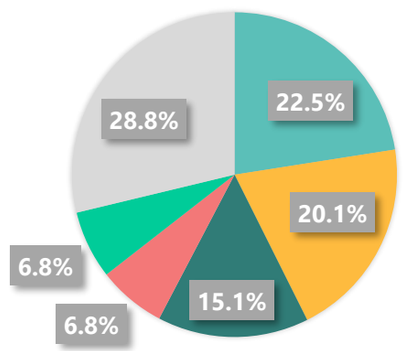


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

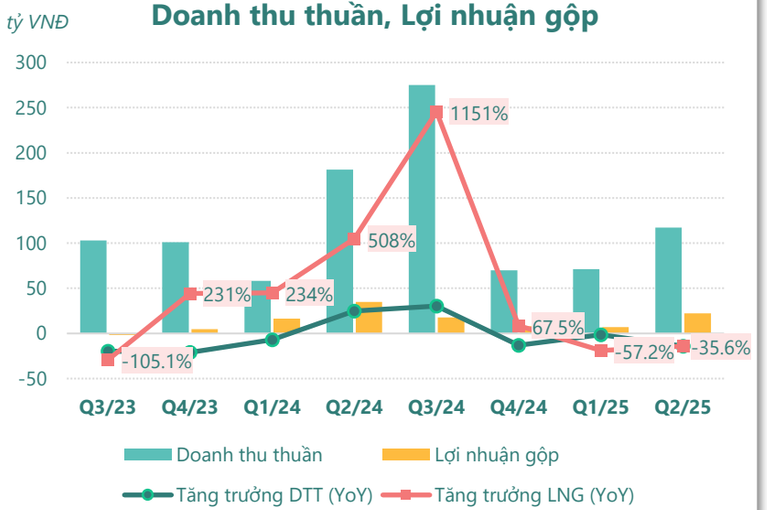


- Nguyễn Hoàng Nhã (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Triệu Dõng (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Hoàng Phương (Thành viên HĐQT)
- Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
- CTCP Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

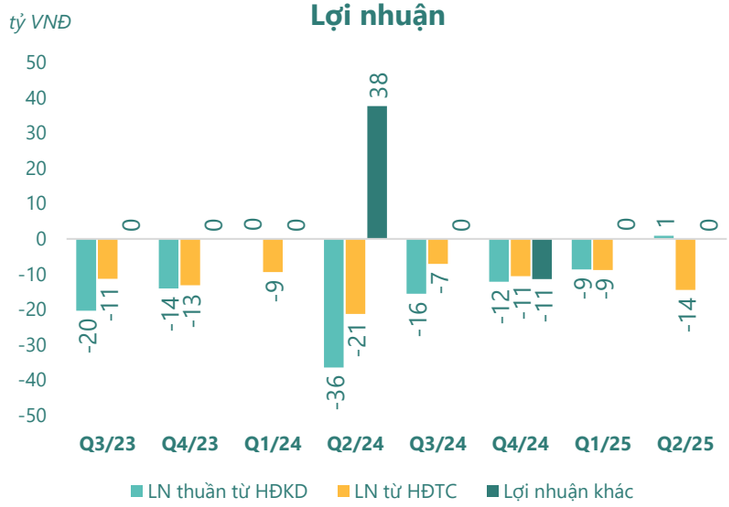
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



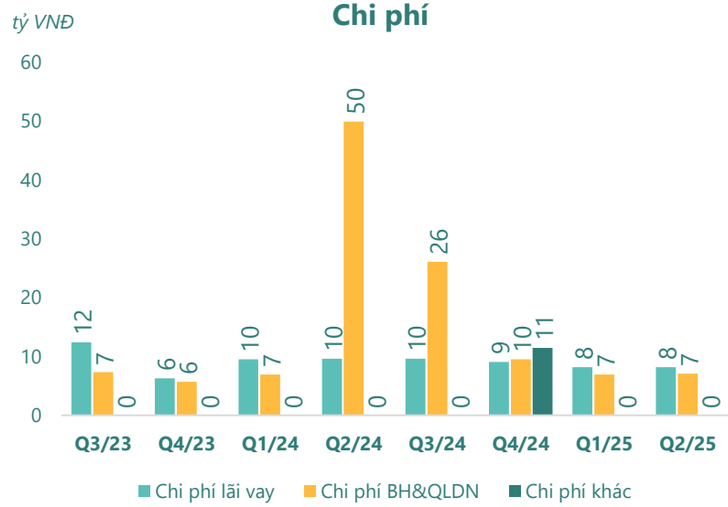
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



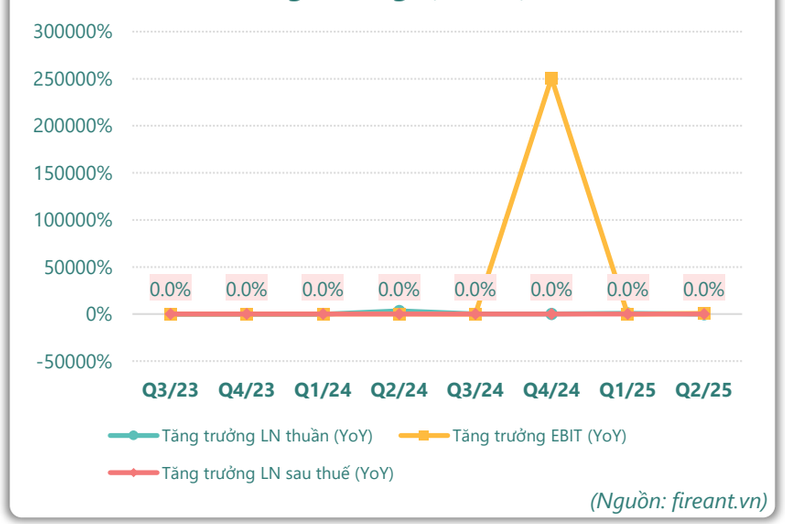
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



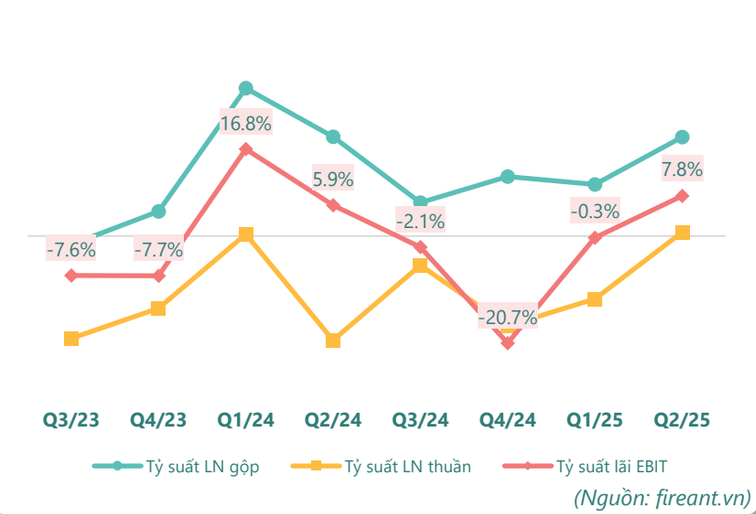
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



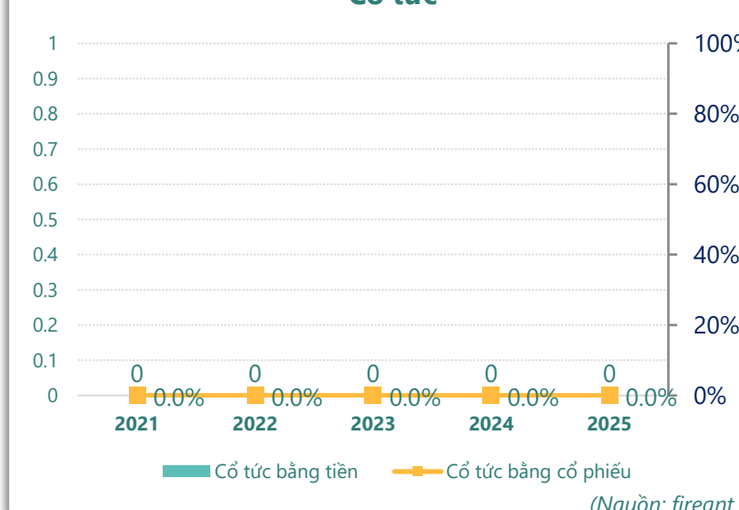
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

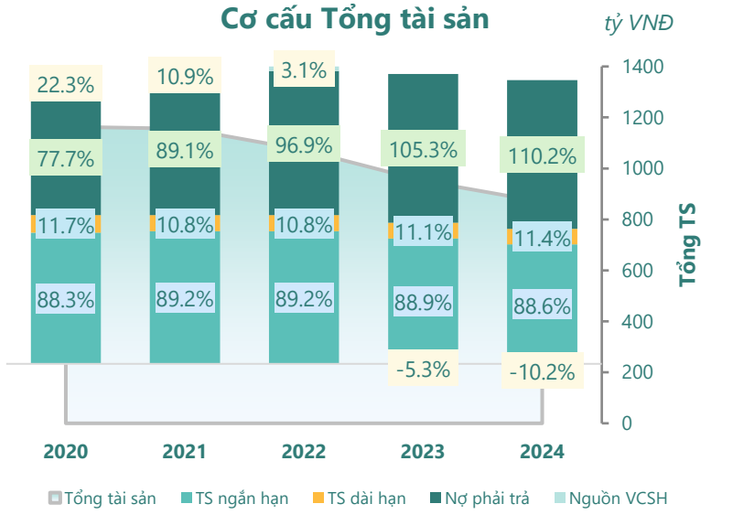
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

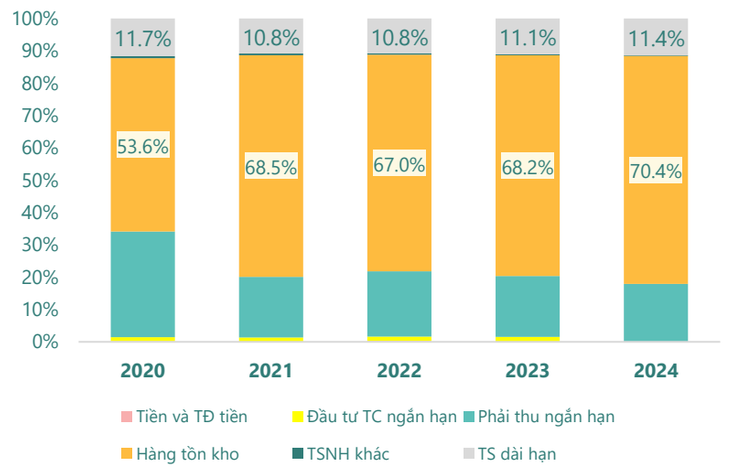
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



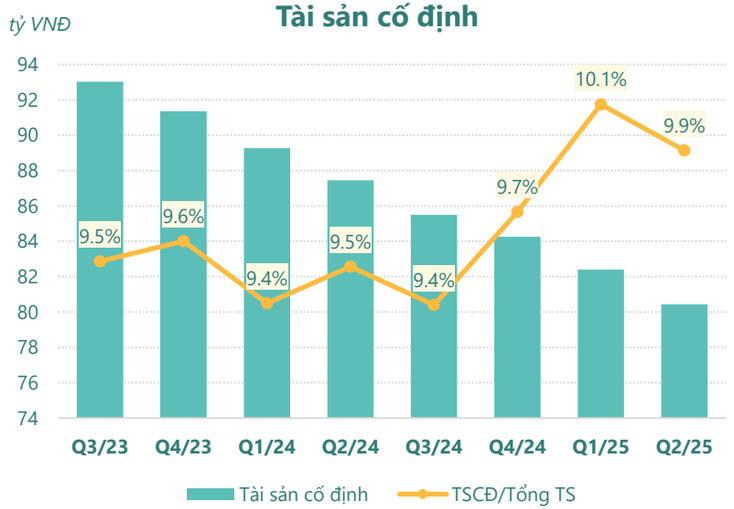
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



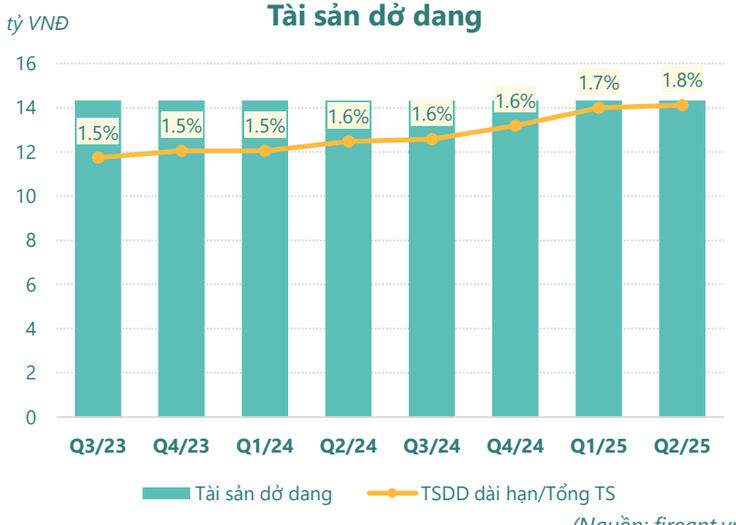
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



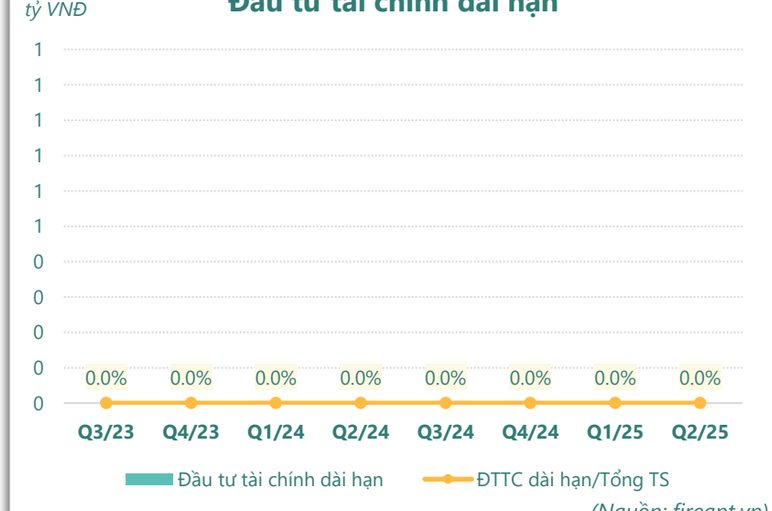
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



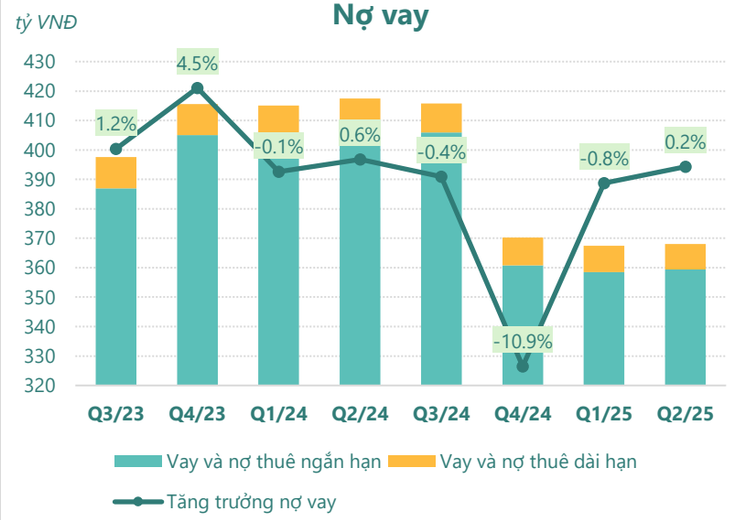
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

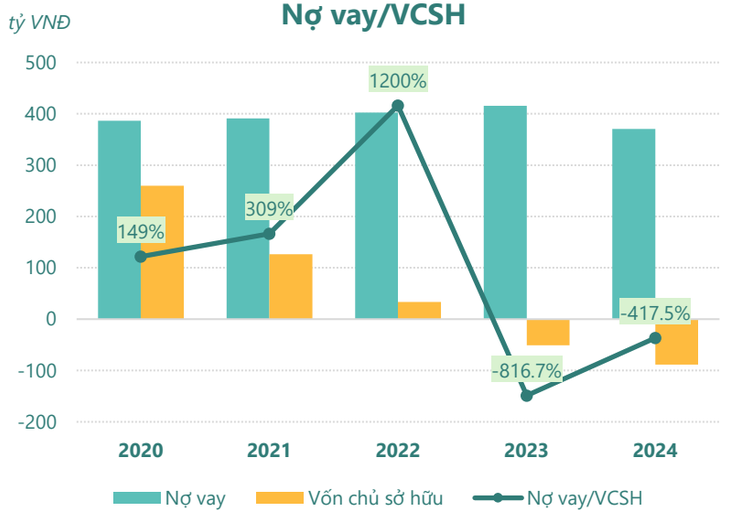
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

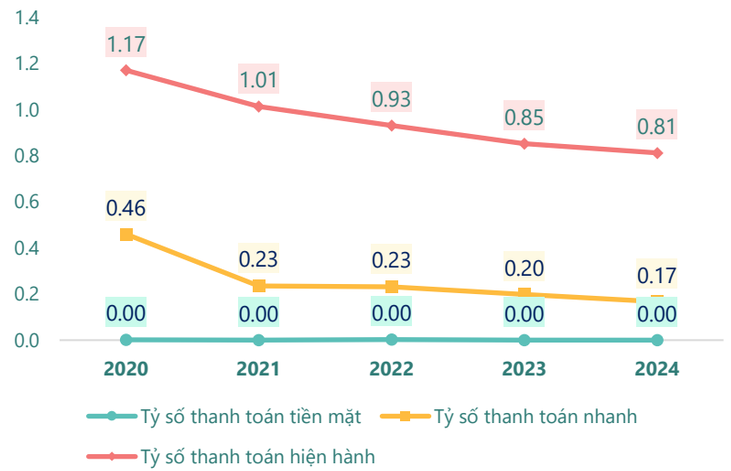
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



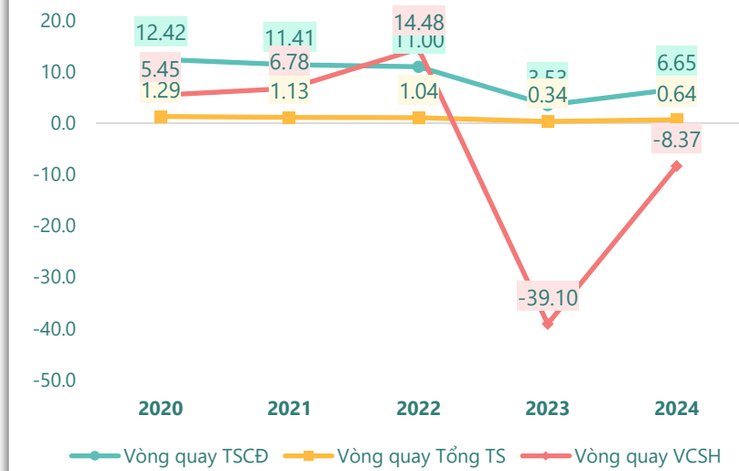
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



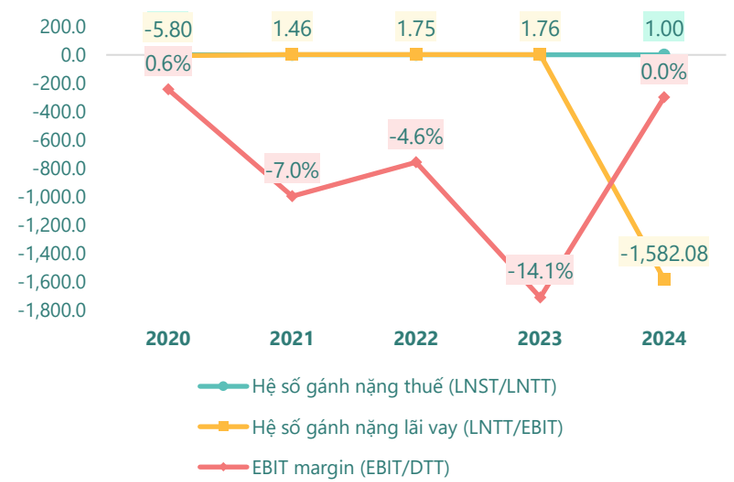
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



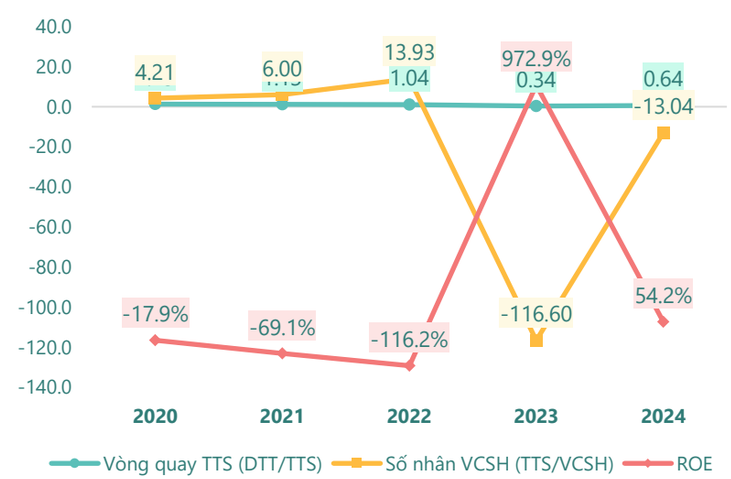
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



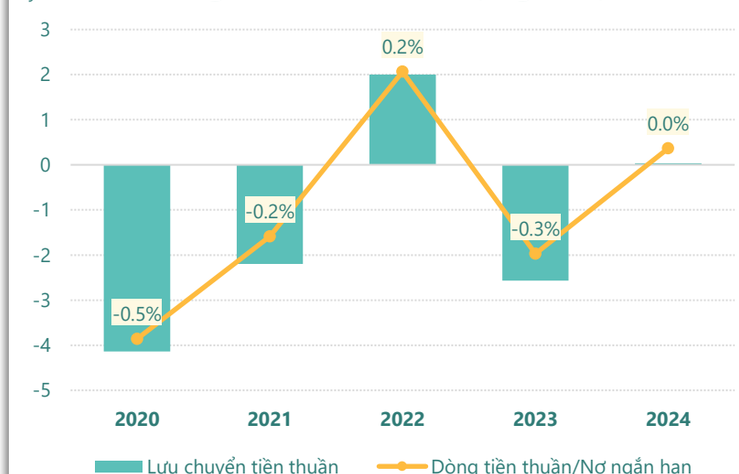
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**117**	**181**	**-35.3%**	**188**	**240**	**-21.4%**
Giá vốn hàng bán	94.8	147	-35.5%	159	188	-15.6%
Lợi nhuận gộp	22.4	34.7	-35.5%	29.5	51.3	-42.5%
Doanh thu HĐTC	0.57	0.79	-28.1%	1.01	1.11	-9.0%
Chi phí TC	15.0	22.0	-31.8%	24.3	31.8	-23.7%
Chi phí lãi vay	8.20	9.62	-14.8%	16.4	19.1	-14.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	5.18	7.68	-32.6%	10.3	13.1	-21.6%
Chi phí QLDN	**1.89**	**42.3**	**-95.5%**	**3.72**	**43.7**	**-91.5%**
LN thuần từ HĐKD	0.86	-36.5	102%	-7.77	-36.2	78.6%
Lợi nhuận khác	**0.03**	**37.6**	**-99.9%**	**0.23**	**37.6**	**-99.4%**
LN trước thuế	0.90	1.16	-22.6%	-7.54	1.39	-644%
Lợi nhuận sau thuế	**0.90**	**1.16**	**-22.6%**	**-7.54**	**1.39**	**-644%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.90**	**1.16**	**-22.6%**	**-7.54**	**1.39**	**-644%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.16	1.93	3.03	46.2	3.40	2.85
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.61	0.25	-1.34	-0.39	-0.49	-0.17
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.50	-2.26	-1.23	-46.2	-2.82	-2.39
Tiền đầu kỳ	0.10	0.16	0.09	0.56	0.06	0.16
Lưu chuyển tiền thuần	**0.06**	**-0.07**	**0.47**	**-0.42**	**0.10**	**0.30**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	-0.07	0	-0.01
Tiền cuối kỳ	0.16	0.09	0.56	0.06	0.16	0.44

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**812**	**868**	**-6.5%**
Tài sản ngắn hạn	717	770	-6.9%
Tiền và tương đương tiền	0.44	0.06	619%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	145	156	-7.3%
Hàng tồn kho	570	612	-6.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.95	2.08	-6.6%
Tài sản dài hạn	**94.7**	**98.6**	**-3.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	80.4	84.3	-4.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	14.3	14.3	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0.00**	**-100%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	908	957	-5.1%
Nợ ngắn hạn	**899**	**948**	**-5.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	359	361	-0.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	64.7	84.3	-23.3%
Nợ dài hạn	8.67	9.48	-8.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	8.67	9.48	-8.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-96.2**	**-88.7**	**-8.5%**
Vốn chủ sở hữu	**-96.2**	**-88.7**	**-8.5%**
Vốn điều lệ	354	354	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)